

Theo yêu cầu của khách hàng, trong một năm qua, chúng tôi đã dịch qua 16 môn học, 34 cuốn sách, 43 bài báo, 5 sổ tay (chưa tính các tài liệu từ năm 2010 trở về trước) Xem ở đây

**DỊCH VỤ
DỊCH
TIẾNG
ANH
CHUYÊN
NGÀNH
NHANH
NHẤT VÀ
CHÍNH
XÁC
NHẤT**

Chỉ sau một lần liên lạc, việc dịch được tiến hành

Giá cả: có thể giảm đến 10 nghìn/1 trang

Chất lượng: Tao dựng niềm tin cho khách hàng bằng công nghệ 1. Bạn thấy được toàn bộ bản dịch; 2. Bạn đánh giá chất lượng. 3. Bạn quyết định thanh toán.

Tài liệu này được dịch sang tiếng việt bởi:

www.mientayvn.com

Từ bản gốc:

https://www.google.com.vn/search?newwindow=1&hl=vi&tbm=bks&q=Handbook+of+nonlinear+optics+1996&oq=Handbook+of+nonlinear+optics+1996&gs_l=serp.3...30875.32426.0.32804.5.5.0.0.0.0.0.0.0.0...0...1c.1.64.serp..5.0.0.ZUxWOghythA

Liên hệ dịch tài liệu :

thanhlam1910_2006@yahoo.com hoặc frbwrthes@gmail.com hoặc số 0168 8557 403 (gặp Lâm)

Tìm hiểu về dịch vụ: http://www.mientayvn.com/dich_tiang_anh_chuyen_nghanh.html

Nonlinear optics has become a very important subfield of optics since its inception over 30 years ago. In linear systems the induced polarization is proportional to the electric field, and the dielectric constant and the optical susceptibility are constants for each particular medium, independent of the electric field. However, when the intensity of the light propagating through the material is increased, the above conditions cease to be constants and nonlinear effects occur. Until the laser was available, power levels were too low for these nonlinear effects to be of importance—but clearly all that has changed. A variety of nonlinear effects have been observed and documented, and used in numerous devices that are part of the optical engineer's arsenal.

Quang phi tuyến đã trở thành một phân ngành rất quan trọng trong quang học kể từ khi ra đời vào 30 năm trước đây. Trong các hệ tuyến tính, độ phân cực cảm ứng tỷ lệ với trường điện, và hằng số điện môi và độ cảm không đổi đối với môi trường cụ thể, không phụ thuộc vào điện trường. Tuy nhiên, khi cường độ ánh sáng truyền qua vật liệu tăng, những điều kiện trên không còn nữa và hiệu ứng phi tuyến xuất hiện. Tuy nhiên, mức công suất quá thấp nên những hiệu ứng này chưa thể hiện rõ cho đến khi laser xuất hiện—nhưng rõ ràng tất cả đã thay đổi. Nhiều hiệu ứng quang phi tuyến đã được quan sát và ghi nhận, và đã được áp dụng trong nhiều thiết bị, đóng vai trò là một phần trong bộ công cụ của kỹ sư quang học.

Shortly after the demonstration of the first laser in 1960, Peter Franklin and coworkers ushered in nonlinear optics (NLO) with the observation of second harmonic generation in a quartz crystal. Since then, NLO has burgeoned into a mature field of science and engineering. The scope of this discipline includes all phenomena in which the optical parameters of materials are changed with irradiation by light. Generally, this requires high optical intensities, which is the main reason that NLO matured in parallel with laser technology. Judging by the growth and continued good health of publications and international conferences on the subject, NLO appears to have a strong future in areas of photonics devices and scientific investigations.

Một thời gian ngắn sau khi laser đầu tiên xuất hiện vào năm 1960, Peter Franklin và các cộng sự đã khởi đầu cho sự ra đời của quang phi tuyến (NLO) thông qua việc quan sát hiệu ứng phát sóng hài bậc hai trong tinh thể thạch anh. Kể từ đó, NLO đã phát triển mạnh mẽ. Quang phi tuyến nghiên cứu những hiện tượng trong đó các tham số quang phi tuyến của vật liệu thay đổi theo cường độ ánh sáng. Nói

chung, để xảy ra hiện tượng này đòi hỏi cường độ quang học cao, đây là lí do chính giải thích việc quang phi tuyến chỉ phát triển mạnh từ khi laser xuất hiện. Căn cứ vào số lượng và chất lượng của các công trình và hội thảo quốc tế về chủ đề này, chúng ta thấy quang phi tuyến sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong các thiết bị photonic và các nghiên cứu khoa học.

The impact of NLO on science and technology has been twofold. First, it has enhanced our understanding of fundamental light–matter interactions. Second, it has been a driving force in the rejuvenation of optical technology for several areas of science and engineering. NLO has matured in the sense of being a well-developed and systematic theory as well as providing applications for a variety of engineering tasks. Second and third order phenomena and devices are now at a stage of understanding and development such that a coherent description and summary of these areas forming the core of the subject are now possible and desirable.

Quang phi tuyến có tác động kép đến khoa học và công nghệ. Trước hết, nó tăng cường hiểu biết của chúng ta về quá trình tương tác cơ bản giữa ánh sáng và vật chất. Thứ hai, nó đã trở thành động lực để cải tiến công nghệ quang học cho nhiều lĩnh vực khoa học và kỹ thuật. NLO đã đạt đến mức độ trưởng thành nhất định với lý thuyết đã được xây dựng hoàn hảo và có hệ thống cũng như đưa ra nhiều ứng dụng phụ vụ cho các nhiệm vụ kỹ thuật. Các thiết bị và hiện tượng quang phi tuyến bậc hai và bậc ba hiện đang trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển vì thế hiện nay chúng ta có thể mô tả và tóm tắt những lĩnh vực này, lấy chúng làm trọng tâm của chủ đề.

The rapid development of the subject has created the need for a handbook that summarizes technical details concerning core areas impacting several engineering and scientific endeavors. The general practitioner of NLO requires information in at least four critical areas: (1) mathematical formulas applicable to a variety of experimental and design situations, (2) examples of ways NLO is applied to specific technical problems, (3) a survey of device and materials

Sự phát triển nhanh của ngành làm phát sinh nhu cầu cần có một sổ tay tóm tắt những chi tiết kỹ thuật liên quan đến những lĩnh vực trọng tâm tác động đến các hoạt động nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Những người làm quang phi tuyến cần ít nhất bốn lĩnh vực quan trọng: (1) công thức toán học có thể áp dụng cho nhiều

trường hợp thực nghiệm và thiết kế, (2) các ví dụ về cách áp dụng NLO cho những vấn đề kỹ thuật cụ thể, (3) Khảo sát dữ liệu của thiết bị và vật liệu

data for comparison purposes and numerical evaluation of formulas, and (4) in-depth descriptions of methods required for characterizing new materials. When seeking this information, novice and expert alike are often bewildered by a lack of continuity in style, notation, content, and physical units contained in the literature. Textbooks tend to develop the subject in depth, with an emphasis on pedagogical style and with considerable mathematical detail. This inherently limits the scope of the material covered. Useful results are scattered throughout the text, usually without any helpful summary of important and useful formulas. Moreover, discussions of applications and experimental methods, as well as materials and device data, are often sparse. When seeking information, what a practicing scientist or engineer (or student) needs is often more than a cursory treatment of a subject, but not one lost in mathematical detail.

Để so sánh và đánh giá các công thức, và (4) mô tả chuyên sâu về các phương pháp cần thiết để xác định các tính chất của vật liệu mới. Khi tìm thông tin này, cả những người mới vào ngành cũng như chuyên gia thường bị nhầm lẫn do thiếu sự liên tục về định dạng, kí hiệu, nội dung, và các đơn vị trong tài liệu. Sách giáo khoa có khuynh hướng đi sâu vào chủ đề, nhấn mạnh phong cách sư phạm và có nhiều chi tiết toán học. Chính điều này giới hạn các nội dung được đề cập đến. Những kết quả bổ ích bị phân tán ở nhiều chỗ trong tài liệu, và thường không có phần tóm tắt về các công thức có ích và quan trọng. Hơn nữa, sách giáo khoa cũng không phân tích kỹ các ứng dụng và các phương pháp thực nghiệm cũng như dữ liệu về vật liệu và thiết bị. Khi tìm kiếm thông tin, những nhà thực nghiệm hoặc kỹ sư (hoặc sinh viên) chỉ cần xem qua rất sơ lược về chủ đề và không đi sâu vào chi tiết toán học.